

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2026/LĐ-ST
Ngày: 12-3-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Bò Quốc Khánh;

2/ Ông Đoàn Văn Lược

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trường Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hữu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - **Thành phố H**, xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 03/2026/TLST-LĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXXST-LĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Đặng Mỹ N**, sinh ngày 10/11/1990; CCCD: 096190002466; địa chỉ thường trú: **Khóm A, phường L, tỉnh Cà Mau**; nơi tạm trú: Nhà trọ **Tạ Minh Đ, tổ G, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Công ty TNHH P; địa chỉ: **Lô K, đường D, Khu công nghiệp N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Liu Y**. Chức vụ: Giám đốc. **Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.**

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bảo hiểm xã hội **Cơ sở T**. Địa chỉ: **Khu phố E, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**. Có đơn đề nghị xét xử **vắng mặt**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 12 năm 2025, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn (bà **Đặng Mỹ N) trình bày:**

Nguyên đơn có ý định rút bảo hiểm xã hội nên đã liên hệ Cơ quan bảo hiểm để tiến hành thủ tục cần thiết thì phía Cơ quan Bảo hiểm xã hội đã phát hiện bà **Đặng Mỹ N** có hai sổ bảo hiểm xã hội, cụ thể như sau:

Một sổ BHXH số 7410243954 đứng tên **Đặng Mỹ N**, thời gian tham gia bảo hiểm vào tháng 8 năm 2010 tại **Công ty TNHH P**;

Một sổ BHXH số 7410032830 đứng tên **Đặng Mỹ N**, thời gian tham gia bảo hiểm vào tháng 8 năm 2010 tại **Công ty TNHH W**.

Sau khi tìm hiểu lại vụ việc thì nguyên đơn biết được có nhiều trường hợp người lao động của công ty do không đủ tuổi lao động nên đã làm hồ sơ giả, dùng thông tin của người khác để xin đi làm. Trường hợp của nguyên đơn cũng có thể đã bị người khác lấy thông tin giả mạo để làm việc tại **Công ty P**. Đến nay, nguyên đơn nhận thấy việc một cá nhân nào đó dùng thông tin của tôi để ký kết hợp đồng lao động với **Công ty P** và đã dùng thông tin của nguyên đơn để tham gia Bảo hiểm xã hội với tên của tôi trong khoảng thời gian vào tháng 8/2010 là không đúng theo quy định pháp luật, gây nên hậu quả là cùng một người nhưng lại có hai sổ bảo hiểm xã hội cùng một thời gian nhưng ở hai công ty khác nhau. Việc này đã ảnh hưởng rất lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đứng tên **Đặng Mỹ N** đã ký với **Công ty TNHH P** là vô hiệu.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn (Công ty TNHH P**) trình bày:**

Qua kiểm tra, rà soát người lao động là bà **Đặng Mỹ N**, sinh năm 1990 làm việc tại **công ty B** từ năm tháng 7 năm 2010 và ký hợp đồng tháng 8 năm 2010 sau đó nghỉ ngang vào cuối tháng 8 năm 2010. Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội cho bà **Đặng Mỹ N** với số bảo hiểm 7410243954 tại Bảo hiểm xã hội. Do công ty thành lập đã lâu, thay đổi nhiều nhân sự phụ trách khác nhau nên đã bị thất lạc hồ sơ của bà **N** bao gồm cả hợp đồng lao động, bảng công, bảng lương. Nay bà **N** yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà **Đặng Mỹ N** và **Công ty TNHH P** bị vô hiệu, Công ty hoàn toàn đồng ý.

Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Bảo hiểm xã hội Cơ sở T**) trình bày:**

Thời gian đóng trùng BHXH của mã số BHXH 7410243954 với mã số BHXH 7410032830 là từ tháng 08/2010 đến tháng 08/2010. Đối với hai mã số BHXH tại thời điểm xác minh đã được xác nhận chốt sổ.

Trường hợp Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu, đề nghị Tòa tuyên buộc người mượn hồ sơ tư pháp đi làm việc và tham gia BHXH, BHTN được điều chỉnh thông tin nhân thân đúng của người lao động.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng lao động”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu tuyên hợp đồng lao động vô hiệu. Bị đơn có trụ sở tại **Lô K, đường D, khu công nghiệp N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**. Do vậy, căn cứ vào Điều 32, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **có đơn xin vắng mặt (BHXH không có đơn)**. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung: Vào tháng 8 năm 2010 nguyên đơn xác định không làm việc tại **Công ty TNHH P** nhưng trong dữ liệu của cơ quan bảo hiểm xã hội lại thể hiện nguyên đơn tham gia bảo hiểm xã hội tại công ty này với mã số 7410243954. Trong cùng thời gian đó, nguyên đơn đang làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội tại **Công ty W** với mã số 7410032830, bên cạnh đó **Công ty TNHH P** không cung cấp được hợp đồng lao động và hồ sơ làm việc giữa nguyên đơn (bà **N**) với công ty nên không xác định được ai đã sử dụng thông tin của nguyên đơn để làm việc tại **Công ty TNHH P** vào tháng 8 năm 2010. Trường hợp trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ Luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu theo khoản 1 Điều 49 của Bộ Luật Lao động. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu

tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà **Đặng Mỹ N** với **Công ty TNHH P** vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 32, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Đặng Mỹ N** đối với bị đơn **Công ty TNHH P** về việc “Tranh chấp hợp đồng lao động”.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà **Đặng Mỹ N** và **Công ty TNHH P**, thời gian làm việc tháng 08 năm 2010 bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà **Đặng Mỹ N** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005381 ngày 16/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bồ Quốc Khánh Đoàn Văn Lước

Đỗ Thị Ngọc Lan

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Ngọc Lan